

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
29	TA2603029	21810630360	Ninh Xuân	Đại	11/09/2003	24,0	17,0	22,5	19,0	82,5	
30	TA2603030	21810310456	Nguyễn Văn	Đạo	19/10/2003	19,0	0,0	13,0	19,0	51,0	
31	TA2603031	20810410039	Cần Ngọc	Đạt	26/08/2002	22,0	0,0	10,5	0,0	32,5	
32	TA2603032	21810230066	Đỗ Quang	Đạt	28/12/2003	25,0	17,0	28,5	22,0	92,5	
33	TA2603033	21810540445	Hoàng Tiên	Đạt	26/01/2003	25,0	17,0	27,5	21,0	90,5	
34	TA2603034	21810620572	Nguyễn Tiến	Đạt	14/02/2003	25,0	14,0	29,0	21,0	89,0	
35	TA2603035	21810650313	Phạm Thành	Đạt	11/03/2003	6,0	16,0	27,5	17,0	66,5	
36	TA2603036	21810230369	Trần Gia	Đạt	19/06/2002	14,0	15,0	23,0	5,0	57,0	
37	TA2603037	21810540424	Vương Quốc	Đạt	29/06/2003	13,0	16,0	28,5	4,0	61,5	
38	TA2603038	21810620393	Hoàng Đình	Đô	24/04/2003	24,0	14,0	27,5	18,0	83,5	
39	TA2603039	21810110122	Vũ Đức	Độ	01/11/2003	6,0	14,0	21,5	9,0	50,5	
40	TA2603040	20810430289	Cao Trung	Đức	25/05/2002	9,0	0,0	0,0	8,0	17,0	
41	TA2603041	21810310539	Đào Tiên	Đức	07/08/2003	25,0	17,0	26,5	19,0	87,5	
42	TA2603042	Thí sinh tự do	Hà Minh	Đức	13/08/2000	14,0	19,0	22,5	18,0	73,5	
43	TA2603043	21810110285	Khuong Anh	Đức	19/08/2003	24,0	14,0	23,0	9,0	70,0	
44	TA2603044	21810620447	Nguyễn Minh	Đức	04/11/2003	25,0	15,0	27,5	23,0	90,5	
45	TA2603045	21810430614	Phạm Minh	Đức	20/03/2003	25,0	13,0	30,0	21,0	89,0	
46	TA2603046	21810310507	Nguyễn Vũ Trường	Giang	26/02/2003	24,0	13,0	28,5	12,0	77,5	
47	TA2603047	1781410013	Nguyễn Duy	Hà	25/01/1999	12,0	15,0	27,5	22,0	76,5	
48	TA2603048	20810110251	Nguyễn Hữu	Hà	10/12/2002	23,0	16,0	30,0	22,0	91,0	
49	TA2603049	21810230056	Vũ Trọng	Hà	26/11/2000	25,0	16,0	29,0	21,0	91,0	
50	TA2603050	19810320035	Phạm Long	Hải	12/03/2000	25,0	17,0	29,0	21,0	92,0	
51	TA2603051	21810340562	Phạm Thị	Hạnh	02/08/2003	20,0	15,0	29,0	15,0	79,0	
52	TA2603052	21810110288	Nguyễn Trọng	Hiệp	24/05/2003	25,0	17,0	29,0	8,0	79,0	
53	TA2603053	21810710044	Lâm Quang	Hiếu	15/12/2003	12,0	16,0	9,5	21,0	58,5	
54	TA2603054	20810170404	Lê Minh	Hiếu	05/08/2002	25,0	17,0	26,5	22,0	90,5	
55	TA2603055	21810310142	Nguyễn Ngọc	Hiếu	05/09/2003	23,0	16,0	23,0	9,0	71,0	
56	TA2603056	21810540427	Phạm Dương	Hiếu	05/10/2003	25,0	16,0	28,5	21,0	90,5	
57	TA2603057	21810310638	Tạ Trần Trung	Hiếu	02/06/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
58	TA2603058	19810170074	Vũ Trung	Hiếu	09/01/2001	14,0	15,0	26,5	22,0	77,5	
59	TA2603059	21810180212	Ngô Sỹ	Hoà	10/11/2003	25,0	18,0	11,0	21,0	75,0	
60	TA2603060	21810230051	Nguyễn Đình	Hoàn	01/10/2003	25,0	17,0	24,0	19,0	85,0	
61	TA2603061	21810180400	Nguyễn Văn	Hoàn	03/05/2003	25,0	16,0	26,5	22,0	89,5	
62	TA2603062	21810310403	Nguyễn Huy	Hoàng	28/03/2003	25,0	17,0	19,5	19,0	80,5	
63	TA2603063	21810310531	Phan Xuân	Hoàng	04/12/2003	18,0	17,0	12,0	11,0	58,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
64	TA2603064	21810320447	Lê Việt	Hùng	15/05/2003	19,0	16,0	23,0	19,0	77,0	
65	TA2603065	21810310484	Phạm Văn	Hùng	06/08/2003	25,0	13,0	14,5	19,0	71,5	
66	TA2603066	21810620522	Bùi Quang	Huy	01/03/2003	25,0	14,0	13,0	12,0	64,0	
67	TA2603067	21810310605	Kiều Văn	Huy	10/11/2003	25,0	17,0	12,0	9,0	63,0	
68	TA2603068	21810430605	Nguyễn Ngọc	Huy	19/01/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
69	TA2603069	21810180332	Nguyễn Quốc	Huy	02/07/2003	25,0	0,0	9,5	19,0	53,5	
70	TA2603070	21810710013	Phạm Văn	Huy	26/03/2003	24,0	15,0	28,5	20,0	87,5	
71	TA2603071	21810110447	Nguyễn Đình	Huynh	29/08/2003	25,0	18,0	20,5	21,0	84,5	
72	TA2603072	21810310551	Mai Duy	Hung	29/10/2003	4,0	16,0	22,5	11,0	53,5	
73	TA2603073	21819120163	Phùng	Hung	25/01/2001	25,0	0,0	14,5	14,0	53,5	
74	TA2603074	21810430569	Vũ Ngọc	Hung	02/08/2003	25,0	16,0	21,5	21,0	83,5	
75	TA2603075	21810680446	Đặng Văn	Kiên	29/08/2002	25,0	0,0	17,0	19,0	61,0	
76	TA2603076	24810410323	Nguyễn Xuân	Kiên	30/05/2006	25,0	15,0	18,0	14,0	72,0	
77	TA2603077	24810640008	Ngô Hoàng Thế	Khải	31/01/2005	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
78	TA2603078	21810110478	Trịnh Minh	Khang	08/10/2003	16,0	18,0	19,0	15,0	68,0	
79	TA2603079	21810680491	Đoàn Duy	Khánh	07/01/2003	21,0	0,0	9,5	21,0	51,5	
80	TA2603080	21810430716	Nguyễn Ngọc	Khánh	21/06/2003	25,0	14,0	13,0	21,0	73,0	
81	TA2603081	21810320402	Trịnh Văn	Khánh	18/08/2003	25,0	13,0	13,0	17,0	68,0	
82	TA2603082	21810540373	Trương Văn	Lai	14/01/2003	25,0	15,0	12,0	17,0	69,0	
83	TA2603083	21810610502	Ngô Thanh	Lâm	31/10/2002	25,0	15,0	13,5	21,0	74,5	
84	TA2603084	21810680484	Nguyễn Tùng	Lâm	24/08/2003	12,0	0,0	8,5	18,0	38,5	
85	TA2603085	21810310614	Mai Hải	Lân	15/12/2003	25,0	18,0	29,0	17,0	89,0	
86	TA2603086	24810440162	Đỗ Hải	Linh	23/10/2006	24,0	16,0	25,0	16,0	81,0	
87	TA2603087	21810320621	Nguyễn Văn	Linh	05/11/2003	23,0	0,0	14,5	17,0	54,5	
88	TA2603088	21810520538	Vương Thị Thùy	Linh	30/09/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
89	TA2603089	21810180390	Lê Hoàng	Long	11/01/2003	25,0	17,0	25,5	22,0	89,5	
90	TA2603090	21810620080	Nguyễn Văn	Long	24/11/2003	25,0	16,0	21,5	22,0	84,5	
91	TA2603091	21810170401	Phí Duy	Long	09/03/2003	25,0	16,0	25,5	17,0	83,5	
92	TA2603092	21810310472	Lưu Đình	Luyện	15/02/2003	25,0	17,0	28,5	20,0	90,5	
93	TA2603093	21810620537	Đào Xuân	Lượng	30/08/2003	18,0	16,0	26,5	19,0	79,5	
94	TA2603094	21810430501	Nguyễn Thế	Mạnh	20/11/2003	15,0	15,0	28,5	19,0	77,5	
95	TA2603095	Thí sinh tự do	Đình Hoàng	Minh	05/03/2003	16,0	20,0	26,5	16,0	78,5	
96	TA2603096	21810860450	Nguyễn Bảo	Minh	26/10/2003	11,0	18,0	24,0	21,0	74,0	
97	TA2603097	21810640292	Nguyễn Hữu	Minh	10/03/2003	13,0	14,0	28,5	17,0	72,5	
98	TA2603098	24810310262	Phạm Văn	Minh	17/01/2006	14,0	19,0	23,0	21,0	77,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
99	TA2603099	21810230057	Vũ Nhật	Minh	19/03/2003	25,0	16,0	25,0	21,0	87,0	
100	TA2603100	21819120165	Đỗ Phương	Nam	28/11/2003	18,0	15,0	23,0	19,0	75,0	
101	TA2603101	21810170465	Lù Thành	Nam	05/11/2003	8,0	16,0	19,0	18,0	61,0	
102	TA2603102	21810310086	Nguyễn Phương	Nam	07/10/2003	11,0	15,0	15,5	19,0	60,5	
103	TA2603103	21810310024	Phạm Hoàng	Nam	17/06/2003	24,0	19,0	20,5	18,0	81,5	
104	TA2603104	21810310093	Nguyễn Văn	Ninh	19/04/2003	11,0	17,0	28,5	20,0	76,5	
105	TA2603105	21810810110	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	12/12/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
106	TA2603106	21810310033	Phạm Ngọc	Nghĩa	22/10/2003	8,0	0,0	18,0	17,0	43,0	
107	TA2603107	19810000157	Bùi Văn	Nhật	24/09/2001	21,0	15,0	27,5	21,0	84,5	
108	TA2603108	19810110042	Nguyễn Việt	Nhật	23/04/2001	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
109	TA2603109	20810000064	Lê Hồng	Nhung	16/03/2001	15,0	16,0	26,5	19,0	76,5	
110	TA2603110	21810860391	Đỗ Đức	Phong	11/08/2003	12,0	17,0	21,5	19,0	69,5	
111	TA2603111	21810440609	Nguyễn Đình	Phú	07/11/2002	25,0	16,0	26,5	21,0	88,5	
112	TA2603112	20810310008	Ngô Hùng	Phúc	08/11/2002	12,0	17,0	25,0	20,0	74,0	
113	TA2603113	21819120201	Nguyễn Văn	Phúc	02/07/2003	24,0	14,0	30,0	21,0	89,0	
114	TA2603114	21810630012	Nguyễn Bá	Phương	19/09/2003	25,0	12,0	30,0	20,0	87,0	
115	TA2603115	21810680400	Tăng Bá	Quang	09/04/2003	25,0	16,0	26,5	15,0	82,5	
116	TA2603116	21810410078	Trần Lê	Quang	22/10/2003	25,0	14,0	29,0	21,0	89,0	
117	TA2603117	21810820230	Cao Hồng	Quân	09/05/2003	25,0	19,0	28,5	21,0	93,5	
118	TA2603118	21810620002	Nguyễn Hữu	Quân	19/06/2003	25,0	17,0	30,0	19,0	91,0	
119	TA2603119	21810310412	Nguyễn Văn	Quân	08/03/2003	18,0	18,0	20,5	17,0	73,5	
120	TA2603120	21810310124	Nguyễn Bá	Quý	11/11/2003	20,0	18,0	14,5	20,0	72,5	
121	TA2603121	21810110368	Nguyễn Đình	Quyên	29/08/2003	25,0	16,0	26,5	19,0	86,5	
122	TA2603122	21810430426	Lê Văn	Quyết	21/03/2003	25,0	16,0	27,5	21,0	89,5	
123	TA2603123	20810510083	Lục Đình	Sáng	02/02/2002	25,0	13,0	17,0	17,0	72,0	
124	TA2603124	24810630154	Quảng Tường	Sinh	04/09/2006	13,0	0,0	0,0	2,0	15,0	
125	TA2603125	20810510117	Nguyễn Đức	Son	03/09/2002	18,0	14,0	22,5	15,0	69,5	
126	TA2603126	21810510463	Phạm Hồng	Son	03/04/2003	15,0	18,0	16,5	11,0	60,5	
127	TA2603127	21710110032	Vũ Thanh	Son	14/08/1998	6,0	3,0	25,5	1,0	35,5	
128	TA2603128	21810410484	Vũ Thê	Son	02/12/2003	22,0	15,0	28,5	19,0	84,5	
129	TA2603129	21810680480	Nguyễn Văn	Tây	24/10/2003	15,0	15,0	19,5	19,0	68,5	
130	TA2603130	21810510537	Đỗ Ngọc	Tiền	28/10/2003	22,0	18,5	25,0	11,0	76,5	
131	TA2603131	21810410132	Phạm Đức	Toàn	05/01/2003	21,0	18,0	22,5	19,0	80,5	
132	TA2603132	19810430054	Nguyễn Minh	Tuân	17/09/2001	25,0	16,0	25,0	19,0	85,0	
133	TA2603133	21810610077	Lã Văn	Tuấn	01/03/2003	12,0	0,0	8,5	11,0	31,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
134	TA2603134	24810640113	Bùi Nguyên	Tùng	18/05/2003	13,0	17,0	20,5	3,0	53,5	
135	TA2603135	21810630025	Lê Văn	Tùng	03/07/2003	15,0	16,0	16,5	3,0	50,5	
136	TA2603136	21810710383	Nguyễn Mạnh	Tùng	07/12/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
137	TA2603137	21810110374	Quách Việt	Tùng	01/12/2003	23,0	14,0	29,0	12,0	78,0	
138	TA2603138	18810620117	Trần Xuân	Tùng	20/09/2000	24,0	14,0	26,5	19,0	83,5	
139	TA2603139	21710110009	Trần Danh	Thái	13/07/1999	24,0	14,0	24,0	18,0	80,0	
140	TA2603140	21810610472	Nguyễn Hải	Thanh	15/09/2003	14,0	16,0	26,5	17,0	73,5	
141	TA2603141	21810430714	Tô Thế	Thanh	16/08/2003	25,0	15,0	28,5	14,0	82,5	
142	TA2603142	21810680415	Hoàng Hữu	Thành	23/06/2003	25,0	17,0	28,5	19,0	89,5	
143	TA2603143	21810850212	Nguyễn Tuấn	Thành	23/04/2003	25,0	18,0	21,5	19,0	83,5	
144	TA2603144	19810410310	Phạm Văn	Thành	14/11/1998	14,0	15,0	29,0	19,0	77,0	
145	TA2603145	19810710281	Hoàng Thị Phương	Thảo	02/02/2001	23,0	18,0	18,0	17,0	76,0	
146	TA2603146	22810430106	Đào Đức	Thắng	17/01/2004	25,0	16,0	29,0	19,0	89,0	
147	TA2603147	20810410104	Ngọ Bảo	Thắng	08/08/2002	25,0	14,0	25,0	19,0	83,0	
148	TA2603148	24810540345	Phạm Văn	Thiều	27/12/2006	19,0	0,0	0,0	2,0	21,0	
149	TA2603149	21810110484	Nguyễn An	Thịnh	23/11/2003	24,0	15,0	25,5	18,0	82,5	
150	TA2603150	21810170499	Vũ Phạm Đức	Thịnh	27/12/2003	15,0	0,0	0,0	0,0	15,0	
151	TA2603151	24810000051	Nguyễn Thị Hà	Thu	08/03/2006	25,0	16,0	24,0	12,0	77,0	
152	TA2603152	21810310488	Nguyễn Thị	Thương	19/02/2003	25,0	16,0	28,5	19,0	88,5	
153	TA2603153	21810230036	Dương Thùy	Trang	02/08/2003	19,0	16,0	25,5	15,0	75,5	
154	TA2603154	20810540061	Nguyễn Hữu	Trí	22/10/2002	25,0	17,0	27,5	18,0	87,5	
155	TA2603155	21810410148	Nguyễn Đức	Trọng	17/01/2003	25,0	14,0	23,0	19,0	81,0	
156	TA2603156	21810310358	Nguyễn Cao	Trung	28/12/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
157	TA2603157	21819120123	Trần Như	Trung	02/05/2003	19,0	14,0	23,0	19,0	75,0	
158	TA2603158	20810000312	Nhữ Mạnh	Trường	05/09/2002	25,0	16,0	13,0	17,0	71,0	
159	TA2603159	21810310501	Phan Quang	Trường	02/05/2003	25,0	15,0	25,5	18,0	83,5	
160	TA2603160	21810310487	Phan Việt	Trường	01/12/2003	25,0	15,0	25,5	19,0	84,5	
161	TA2603161	20810420102	Chu Quốc	Việt	04/09/2002	13,0	15,0	27,5	19,0	74,5	
162	TA2603162	21810440434	Ngô Tuấn	Vũ	21/04/2003	13,0	16,0	25,5	15,0	69,5	
163	TA2603163	24810610060	Trần Xuân	Vũ	25/05/2006	22,0	16,0	25,5	10,0	73,5	
164	TA2603164	21810110547	Lại Đức Hồng	An	02/12/2003	18,0	19,0	26,5	17,0	80,5	
165	TA2603165	21810230017	Trần Hoàng Vĩnh	An	01/11/2003	21,0	20,0	29,0	17,0	87,0	
166	TA2603166	21810310516	Bùi Việt	Anh	27/09/2003	13,0	0,0	9,5	5,0	27,5	
167	TA2603167	21810180429	Đỗ Việt	Anh	26/10/2003	25,0	17,0	16,5	19,0	77,5	
168	TA2603168	18810310171	Hoàng Việt	Anh	13/01/2000	10,0	0,0	12,0	8,0	30,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
169	TA2603169	24810860039	Nguyễn Đức	Anh	21/07/2006	12,0	20,0	20,5	18,0	70,5	
170	TA2603170	21810620395	Nguyễn Ngọc Khuyến	Anh	18/12/2003	25,0	16,0	14,5	2,0	57,5	
171	TA2603171	19810720051	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	01/09/2001	25,0	14,0	14,5	19,0	72,5	
172	TA2603172	21810310510	Nguyễn Việt	Anh	29/06/2003	9,0	0,0	0,0	5,0	14,0	
173	TA2603173	21810310159	Phạm Việt	Anh	15/09/2003	22,0	14,0	20,5	19,0	75,5	
174	TA2603174	21810510009	Trần Quốc	Anh	25/02/2003	13,0	0,0	0,0	0,0	13,0	
175	TA2603175	21810230408	Vũ Mạnh Quốc	Anh	23/08/2003	24,0	20,0	18,0	14,0	76,0	
176	TA2603176	21810250453	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	18/08/2003	25,0	12,0	15,5	18,0	70,5	
177	TA2603177	24810630046	Vũ Gia	Bảo	30/10/2006	25,0	0,0	18,0	8,0	51,0	
178	TA2603178	21810310190	Bùi Hùng	Cường	02/06/2003	18,0	16,0	16,5	12,0	62,5	
179	TA2603179	23810630019	Trịnh Việt	Cường	12/07/2005	25,0	15,0	19,0	17,0	76,0	
180	TA2603180	21810620478	Lương Văn	Chát	09/03/2003	24,0	13,0	19,5	13,0	69,5	
181	TA2603181	Thí sinh tự do	Dương Đức	Chính	27/04/1998	23,0	0,0	11,0	13,0	47,0	
182	TA2603182	21810440489	Hoàng Quốc	Chính	13/12/2003	24,0	17,0	25,0	14,0	80,0	
183	TA2603183	21819120140	Nguyễn Duy	Chương	26/10/2003	12,0	0,0	0,0	0,0	12,0	
184	TA2603184	21810230058	Lê Quang	Diện	06/05/2003	22,0	18,0	25,0	9,0	74,0	
185	TA2603185	21810440728	Hoa Anh Trung	Dũng	15/04/2003	12,0	0,0	15,5	8,0	35,5	
186	TA2603186	21810540474	Mai Đức	Dũng	16/11/2003	2,0	11,0	9,5	1,0	23,5	
187	TA2603187	20810310454	Nguyễn Minh	Dũng	10/08/2002	13,0	0,0	13,0	15,0	41,0	
188	TA2603188	18810310230	Nguyễn Tiên	Dũng	22/07/2000	8,0	17,0	13,0	8,0	46,0	
189	TA2603189	21810230388	Vũ Quốc	Dũng	05/03/2003	9,0	17,0	24,0	13,0	63,0	
190	TA2603190	21810310110	Trần Quang	Duy	23/07/2003	11,0	0,0	0,0	1,0	12,0	
191	TA2603191	21810410529	Đào Khánh	Dương	23/10/2003	8,0	0,0	0,0	0,0	8,0	VPQC kỹ năng viết
192	TA2603192	21810650348	Ngô Mạnh	Dương	04/07/2003	12,0	12,0	19,0	2,0	45,0	
193	TA2603193	21810310006	Vũ Hà	Dương	17/09/2003	15,0	18,0	25,5	14,0	72,5	
194	TA2603194	21810430567	Ngô Văn	Đạm	12/03/2003	4,0	0,0	10,5	8,0	22,5	
195	TA2603195	21810610471	Dương Thành	Đạt	10/11/2003	6,0	17,0	19,0	14,0	56,0	
196	TA2603196	21810410136	Đồng Quang	Đạt	05/08/2003	5,0	0,0	0,0	0,0	5,0	
197	TA2603197	21810310512	Mai Đình	Đạt	20/05/2003	12,0	18,0	17,0	7,0	54,0	
198	TA2603198	21810110014	Nguyễn Ngọc	Đạt	05/07/2003	12,0	18,0	18,0	18,0	66,0	
199	TA2603199	21810110092	Phùng Minh	Đạt	12/04/2003	9,0	0,0	0,0	0,0	9,0	
200	TA2603200	21810660418	Vũ Đình	Đạt	06/04/2003	8,0	0,0	11,0	9,0	28,0	
201	TA2603201	21810430457	Đặng Hồng Hải	Đặng	08/04/2003	10,0	0,0	0,0	4,0	14,0	
202	TA2603202	20819110081	Nguyễn Xuân	Điệp	03/02/2002	4,0	0,0	0,0	0,0	4,0	
203	TA2603203	21810110505	Lý Đình	Độ	12/11/2003	1,0	0,0	0,0	0,0	1,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
204	TA2603204	21810510093	Cao Văn	Đức	08/06/2003	8,0	0,0	14,5	16,0	38,5	
205	TA2603205	21810680460	Đỗ Minh	Đức	20/10/2003	8,0	0,0	0,0	5,0	13,0	
206	TA2603206	21810410121	Hoàng Anh	Đức	15/08/2003	10,0	18,0	15,5	14,0	57,5	
207	TA2603207	21810620512	Lê Anh	Đức	21/01/2003	11,0	0,0	0,0	1,0	12,0	
208	TA2603208	21810620401	Nguyễn Trung	Đức	08/09/2003	12,0	12,0	13,5	0,0	37,5	
209	TA2603209	21810410113	Vũ Minh	Đức	13/11/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
210	TA2603210	21810170372	Trịnh Châu	Giang	28/10/2003	14,0	16,0	15,5	14,0	59,5	
211	TA2603211	24810110123	Nguyễn Mạnh	Hà	22/02/2006	13,0	0,0	16,5	10,0	39,5	
212	TA2603212	21810230002	Phùng Thị Thu	Hà	31/08/2003	16,0	17,0	25,5	20,0	78,5	
213	TA2603213	2283010020	Hoàng Mạnh	Hải	24/06/1990	3,0	0,0	11,0	5,0	19,0	
214	TA2603214	21810310567	Phạm Đăng	Hải	27/11/2003	6,0	0,0	0,0	0,0	6,0	
215	TA2603215	21810230049	Trần Thu	Hãng	23/08/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
216	TA2603216	21810310532	Dương Đức	Hiếu	06/03/2003	13,0	19,0	23,0	12,0	67,0	
217	TA2603217	21810310333	Hoàng Xuân	Hiếu	02/08/2003	11,0	15,0	16,5	13,0	55,5	
218	TA2603218	21810310625	Nguyễn Minh	Hiếu	21/10/2003	15,0	15,0	11,0	10,0	51,0	
219	TA2603219	21810310528	Nguyễn Văn	Hiếu	04/06/2003	12,0	17,0	22,5	16,0	67,5	
220	TA2603220	21810110536	Nguyễn Văn	Hiếu	13/04/2003	15,0	12,0	10,5	18,0	55,5	
221	TA2603221	21810230508	Phan Văn	Hiếu	21/01/2003	11,0	20,0	25,5	19,0	75,5	
222	TA2603222	24810620002	Vũ Trung	Hiếu	06/11/2006	9,0	0,0	8,5	11,0	28,5	
223	TA2603223	21810310016	Nguyễn Bá	Hoà	30/07/2003	11,0	0,0	9,5	2,0	22,5	
224	TA2603224	21810110108	Nguyễn Lê	Hoàn	06/08/2003	4,0	0,0	8,5	0,0	12,5	
225	TA2603225	24810210051	Lê Tuyên	Hoàng	01/12/2006	15,0	17,0	19,5	15,0	66,5	
226	TA2603226	21810630005	Nguyễn Hữu	Hoàng	09/03/2000	17,0	0,0	9,5	5,0	31,5	
227	TA2603227	21810710424	Trần Huy	Hoàng	31/08/2003	13,0	19,0	24,0	20,0	76,0	
228	TA2603228	20810310472	Ngô Phú	Hùng	09/07/2002	10,0	15,0	15,5	15,0	55,5	
229	TA2603229	23810000023	Trần Văn	Hùng	16/08/2005	20,0	15,0	25,0	17,0	77,0	
230	TA2603230	21819120181	Đào Công Tuấn	Huy	12/12/2003	12,0	19,0	21,5	16,0	68,5	
231	TA2603231	21810110181	Nguyễn Bùi Xuân	Huy	10/03/2003	16,0	0,0	0,0	16,0	32,0	
232	TA2603232	21810640363	Nguyễn Quang	Huy	10/10/2003	12,0	13,0	17,0	13,0	55,0	
233	TA2603233	20810540023	Phạm Quốc	Huy	29/05/2002	19,0	17,0	18,0	0,0	54,0	
234	TA2603234	18810310496	Trịnh Nhật	Huy	21/11/2000	6,0	17,0	17,0	16,0	56,0	
235	TA2603235	21810440437	Bùi Văn	Hung	11/07/2003	24,0	13,0	16,5	12,0	65,5	
236	TA2603236	21810410034	Nguyễn Tuấn	Hung	25/08/2003	24,0	16,0	23,0	13,0	76,0	
237	TA2603237	21810310382	Trần Tuấn	Hung	20/11/2003	20,0	0,0	0,0	0,0	20,0	VPQC kỹ năng viết
238	TA2603238	21810000439	Phan Thị	Hường	19/07/2003	15,0	16,0	17,0	20,0	68,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
239	TA2603239	21810310037	Nguyễn Mạnh	Kiên	29/03/2003	11,0	20,0	18,0	15,0	64,0	
240	TA2603240	24810860019	Trần Trung	Kiên	04/02/2006	23,0	14,0	22,5	16,0	75,5	
241	TA2603241	18819120009	Nguyễn Đình	Khải	10/07/2000	16,0	13,0	13,0	8,0	50,0	
242	TA2603242	21810110077	Ngô Bảo	Khanh	13/04/2003	24,0	12,0	14,5	13,0	63,5	
243	TA2603243	21810510038	Lê Đình	Khánh	03/10/2003	24,0	14,0	20,5	15,0	73,5	
244	TA2603244	21810810288	Trần Minh	Khánh	16/11/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
245	TA2603245	21810110006	Nguyễn Vũ	Khoan	13/05/2003	20,0	14,0	13,5	17,0	64,5	
246	TA2603246	21810310656	Trần Tuấn	Khôi	01/07/2003	18,0	15,0	20,5	18,0	71,5	
247	TA2603247	21810410029	Nguyễn Phúc	Lâm	21/04/2003	24,0	16,0	19,0	16,0	75,0	
248	TA2603248	21810310058	Nguyễn Văn	Lâm	25/03/2003	25,0	13,0	30,0	8,0	76,0	
249	TA2603249	21819110051	Phùng Văn	Lập	21/10/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
250	TA2603250	20810160512	Hoàng Hải	Linh	22/10/2002	21,0	11,0	25,0	9,0	66,0	
251	TA2603251	21810680399	Phạm Quang	Linh	06/06/2003	14,0	16,0	21,5	13,0	64,5	
252	TA2603252	21810440763	Đào Hải	Long	21/03/2003	25,0	11,0	19,0	11,0	66,0	
253	TA2603253	21810110475	Mai Thế	Long	22/03/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
254	TA2603254	18810310245	Nguyễn Hoàng	Long	22/02/2000	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
255	TA2603255	21810510539	Nguyễn Văn	Long	27/07/2003	22,0	7,0	23,0	11,0	63,0	
256	TA2603256	21810230010	Trần Đình	Lợi	20/10/2003	24,0	12,0	27,5	18,0	81,5	
257	TA2603257	21819150371	Trần Đức	Lương	17/10/2003	16,0	10,0	13,5	15,0	54,5	
258	TA2603258	21810610066	Nguyễn Hoàng	Mai	11/02/2003	25,0	12,0	19,5	11,0	67,5	
259	TA2603259	20810340245	Vũ Đức	Mạnh	02/11/2002	15,0	13,0	28,5	16,0	72,5	
260	TA2603260	20810710213	Nguyễn Đình	Minh	12/07/2002	19,0	16,0	25,0	14,0	74,0	
261	TA2603261	21810410125	Nguyễn Văn	Minh	01/02/2003	22,0	15,0	25,5	14,0	76,5	
262	TA2603262	21810310112	Phùng Văn Nhật	Minh	16/07/2003	21,0	15,0	23,0	16,0	75,0	
263	TA2603263	20810160463	Trần Đăng	Minh	07/10/2002	17,0	15,0	24,0	19,0	75,0	
264	TA2603264	21810310552	Nguyễn Tiến	Mùi	25/12/2003	25,0	15,0	25,0	13,0	78,0	
265	TA2603265	21810310347	Hoàng Văn	Nam	24/02/2003	22,0	13,0	28,5	18,0	81,5	
266	TA2603266	24810620086	Nguyễn Hoài	Nam	19/10/2006	13,0	12,0	19,5	18,0	62,5	
267	TA2603267	24810540077	Nguyễn Việt Anh	Nam	05/03/2006	24,0	10,0	29,0	18,0	81,0	
268	TA2603268	21810310658	Dương Thị	Nga	02/03/2003	9,0	15,0	17,0	10,0	51,0	
269	TA2603269	21810620411	Hà Ngọc	Nghĩa	15/03/2001	16,0	17,0	24,0	15,0	72,0	
270	TA2603270	21810230003	Cao Lê Lan	Ngọc	20/12/2003	13,0	18,0	19,5	17,0	67,5	
271	TA2603271	24810610123	Quyên Đình	Nguyên	24/06/2006	24,0	10,0	28,5	6,0	68,5	
272	TA2603272	21810510389	Lữ Quang	Nhật	01/03/2003	24,0	16,0	25,5	14,0	79,5	
273	TA2603273	21810230498	Khuất Phùng Bảo	Nhi	08/12/2003	15,0	14,0	29,0	17,0	75,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
274	TA2603274	21810310123	Nguyễn Tuấn	Phong	26/02/2003	14,0	0,0	26,5	13,0	53,5	
275	TA2603275	21810310057	Đỗ Trọng	Phú	30/09/2003	19,0	14,0	19,0	7,0	59,0	
276	TA2603276	21810310012	Nguyễn Tiến	Phúc	14/01/2003	21,0	19,0	17,0	16,0	73,0	
277	TA2603277	21810310157	Vũ Nhật	Phúc	13/03/2003	13,0	0,0	0,0	0,0	13,0	
278	TA2603278	21810680376	Bùi Thanh	Quang	28/03/2003	20,0	11,0	18,0	14,0	63,0	
279	TA2603279	21810310633	Nguyễn Đức	Quang	24/05/2003	23,0	16,0	11,0	13,0	63,0	
280	TA2603280	21810620029	Trần Đức	Quang	27/02/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
281	TA2603281	21810310152	Bùi Văn	Quân	28/02/2003	23,0	14,0	17,0	12,0	66,0	
282	TA2603282	21810310636	Nguyễn Minh	Quân	01/10/2003	20,0	15,0	25,0	15,0	75,0	
283	TA2603283	19810310294	Nguyễn Đình Anh	Quốc	12/07/2001	21,0	18,0	25,5	16,0	80,5	
284	TA2603284	20810430351	Nguyễn Đức	Quý	22/06/2002	24,0	11,0	24,0	14,0	73,0	
285	TA2603285	21810510048	Nguyễn Ngọc	Quyên	25/09/2003	14,0	0,0	0,0	0,0	14,0	
286	TA2603286	20810000475	Nguyễn Trọng	Sang	22/04/2002	24,0	12,0	18,0	13,0	67,0	
287	TA2603287	21810510085	Phạm Thị	Sen	22/01/2003	21,0	14,0	26,5	12,0	73,5	
288	TA2603288	21810230014	Dương Hà	Son	05/05/2003	14,0	17,0	13,5	15,0	59,5	
289	TA2603289	21810710247	Nguyễn Hoàng	Son	09/02/2003	25,0	12,0	19,0	16,0	72,0	
290	TA2603290	21819110160	Phạm Hùng	Son	22/08/2003	25,0	12,0	25,5	12,0	74,5	
291	TA2603291	21810310467	Dương Văn	Tài	02/06/2003	25,0	18,0	19,5	19,0	81,5	
292	TA2603292	Thí sinh tự do	Nguyễn Văn	Tài	20/11/2000	23,0	13,0	17,0	18,0	71,0	
293	TA2603293	21810640341	Bùi Sỹ	Tiến	23/09/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
294	TA2603294	21810170323	Bùi Văn	Tiện	12/09/2003	25,0	9,0	23,0	20,0	77,0	
295	TA2603295	21810310114	Dương Đức	Toàn	21/08/2003	25,0	18,0	19,0	12,0	74,0	
296	TA2603296	23810630001	Dương Khắc	Tú	04/08/2005	24,0	13,0	22,5	17,0	76,5	
297	TA2603297	21819120175	Hà Văn	Tuấn	30/10/2003	24,0	12,0	16,5	17,0	69,5	
298	TA2603298	21810620504	Nguyễn Quốc	Tuấn	08/07/2003	25,0	14,0	12,0	9,0	60,0	
299	TA2603299	21810310635	Đỗ Sơn	Tùng	26/07/2003	25,0	18,0	15,5	21,0	79,5	
300	TA2603300	21810410073	Nguyễn Mạnh	Tùng	15/06/2003	25,0	16,0	17,0	15,0	73,0	
301	TA2603301	21810430626	Phùng Anh	Tùng	17/01/2003	25,0	10,0	28,5	17,0	80,5	
302	TA2603302	Thí sinh tự do	Chu Hoàng	Tường	22/05/2001	22,0	19,0	23,0	22,0	86,0	
303	TA2603303	21810430443	Phạm Ngọc	Thạch	03/01/2003	12,0	11,0	20,5	12,0	55,5	
304	TA2603304	21810110470	Dương Danh	Thanh	13/02/2003	13,0	10,0	24,0	14,0	61,0	
305	TA2603305	21810810116	Nguyễn Minh	Thanh	23/06/2003	25,0	0,0	11,0	1,0	37,0	
306	TA2603306	24810710183	Nguyễn Phú	Thành	19/11/2006	21,0	12,0	22,5	18,0	73,5	
307	TA2603307	21810310549	Nguyễn Tuấn	Thành	17/10/2003	24,0	8,0	25,0	17,0	74,0	
308	TA2603308	24810810103	Nguyễn Bá	Thao	03/11/2006	23,0	8,0	25,5	9,0	65,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
309	TA2603309	21810000428	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	13/12/2003	23,0	14,0	14,5	20,0	71,5	
310	TA2603310	21810320482	Đôn Nguyên	Thắng	07/02/2003	24,0	19,0	23,0	12,0	78,0	
311	TA2603311	21810620481	Nguyễn Trọng	Thắng	10/09/2003	24,0	16,0	15,5	14,0	69,5	
312	TA2603312	24810110082	Đình Văn	Thịnh	23/09/2006	12,0	0,0	0,0	0,0	12,0	
313	TA2603313	21810410577	Nguyễn Quang	Thịnh	03/03/2003	21,0	17,0	8,5	12,0	58,5	
314	TA2603314	24810180513	Chu Minh	Thông	31/08/2006	19,0	12,0	13,0	3,0	47,0	
315	TA2603315	21819140266	Nguyễn Thị	Thùy	11/05/2003	19,0	0,0	9,5	11,0	39,5	
316	TA2603316	21810340521	Nguyễn Xuân	Trà	29/12/2003	13,0	0,0	14,5	11,0	38,5	
317	TA2603317	21810230407	Nguyễn Thị Huyền	Trang	25/03/2003	20,0	19,0	19,0	10,0	68,0	
318	TA2603318	21819120156	Nguyễn Văn	Triển	17/08/2003	24,0	0,0	11,0	2,0	37,0	
319	TA2603319	21810540499	Vũ Đức	Trọng	03/12/2003	3,0	12,0	12,0	11,0	38,0	
320	TA2603320	19810720019	Lê Bảo	Trúc	07/06/2001	4,0	16,0	21,5	8,0	49,5	
321	TA2603321	21810230502	Nguyễn Học	Trung	14/04/2002	13,0	15,0	22,5	13,0	63,5	
322	TA2603322	21810430387	Trần Văn	Trung	03/09/2003	19,0	15,0	26,5	12,0	72,5	
323	TA2603323	21810620014	Nguyễn Công	Trường	27/12/2003	16,0	4,0	10,5	2,0	32,5	
324	TA2603324	21810610494	Tô Ngọc	Trường	18/08/2003	17,0	16,0	17,0	15,0	65,0	
325	TA2603325	21810310077	Lê Thế	Việt	23/05/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
326	TA2603326	Thí sinh tự do	Mai Quang	Vinh	13/10/1998	12,0	17,0	17,0	14,0	60,0	
327	TA2603327	22810310169	Nguyễn Đình	Vũ	05/04/2004	9,0	17,0	16,5	14,0	56,5	
328	TA2603328	21810410056	Hà Thái	Vương	30/04/2003	11,0	14,0	22,5	14,0	61,5	
329	TA2603329	20810430322	Ngô Văn	An	02/03/2002	25,0	10,0	18,0	11,0	64,0	
330	TA2603330	21810110149	Trần Tiến	An	15/11/2003	24,0	13,0	25,0	13,0	75,0	
331	TA2603331	21810650362	Dương Hải	Anh	12/06/2003	24,0	10,0	13,0	8,0	55,0	
332	TA2603332	21810410736	Hoàng Nguyễn Thế	Anh	07/02/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
333	TA2603333	24810220062	Lã Tùng	Anh	28/07/2006	24,0	12,0	22,5	13,0	71,5	
334	TA2603334	21810230063	Nguyễn Hữu Hùng	Anh	10/06/2003	25,0	18,0	23,0	22,0	88,0	
335	TA2603335	21810410070	Nguyễn Thế	Anh	26/04/2003	16,0	12,0	16,5	5,0	49,5	
336	TA2603336	21819120172	Nguyễn Việt	Anh	18/09/2003	24,0	8,0	18,0	2,0	52,0	
337	TA2603337	21810350360	Trần Đức	Anh	07/12/2003	25,0	14,0	20,5	13,0	72,5	
338	TA2603338	21810310435	Trần Thế	Anh	30/06/2003	22,0	0,0	12,0	10,0	44,0	
339	TA2603339	19810720001	Vũ Thế	Anh	05/02/2001	8,0	18,0	19,0	14,0	59,0	
340	TA2603340	21810310054	Phạm Xuân	Bách	03/09/2003	18,0	15,0	12,0	15,0	60,0	
341	TA2603341	21810410044	Trần Xuân	Bắc	27/12/2003	13,0	16,0	16,5	18,0	63,5	
342	TA2603342	21810710433	Đoàn Hùng	Cường	11/11/2003	11,0	12,0	25,0	18,0	66,0	
343	TA2603343	21810430406	Trương Quốc	Cường	29/08/2003	20,0	16,0	17,0	16,0	69,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
344	TA2603344	20810320097	Lê Duy	Chiến	10/09/2002	15,0	14,0	12,0	10,0	51,0	
345	TA2603345	21810630016	Đặng Văn	Chính	25/06/2003	23,0	12,0	25,5	17,0	77,5	
346	TA2603346	21810110010	Nguyễn Mạnh	Chung	30/08/2003	22,0	11,0	11,0	15,0	59,0	
347	TA2603347	21810680477	Dương Đình	Danh	13/05/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
348	TA2603348	21810410678	Đoàn Văn	Doanh	19/07/2003	13,0	11,0	19,0	14,0	57,0	
349	TA2603349	2162010027	Nguyễn Thị Thanh	Dung	11/02/1991	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
350	TA2603350	21810430652	Nguyễn Đức	Dũng	19/05/2003	20,0	18,0	22,5	17,0	77,5	
351	TA2603351	21810180551	Nguyễn Tấn	Dũng	18/11/2003	21,0	14,0	20,5	16,0	71,5	
352	TA2603352	21810310452	Phạm Hùng	Dũng	12/09/2003	16,0	19,0	25,5	19,0	79,5	
353	TA2603353	20810160456	Bùi Nhật	Duy	12/02/2002	9,0	19,0	24,0	14,0	66,0	
354	TA2603354	21810180309	Trần Việt	Duy	26/11/2003	16,0	18,0	23,0	15,0	72,0	
355	TA2603355	Thí sinh tự do	Lê Thanh	Dương	10/10/1999	6,0	12,0	10,5	0,0	28,5	
356	TA2603356	19810310138	Nguyễn Hữu Minh	Dương	15/03/2001	15,0	18,0	20,5	18,0	71,5	
357	TA2603357	18810000106	Lê Quang	Đại	20/06/2000	15,0	15,0	25,0	11,0	66,0	
358	TA2603358	21810410539	Ngô Quang	Đạo	24/02/2003	10,0	0,0	11,0	14,0	35,0	
359	TA2603359	21810670288	Đỗ Tuấn	Đạt	02/08/2003	23,0	8,0	13,0	23,0	67,0	
360	TA2603360	21810310522	Lưu Danh	Đạt	07/05/2003	11,0	17,0	18,0	21,0	67,0	
361	TA2603361	21810410765	Ngô Đức	Đạt	03/04/2003	25,0	8,0	12,0	20,0	65,0	
362	TA2603362	21810310002	Nguyễn Tiên	Đạt	18/03/2003	20,0	19,0	15,5	22,0	76,5	
363	TA2603363	21810510533	Trần Anh	Đạt	06/09/2003	23,0	10,0	28,5	23,0	84,5	
364	TA2603364	21810230374	Vũ Thành	Đạt	25/01/2003	24,0	13,0	23,0	22,0	82,0	
365	TA2603365	21810610019	Trần Minh	Đặng	07/02/2003	12,0	9,0	16,5	16,0	53,5	
366	TA2603366	21810170264	Vũ Thành	Đô	04/08/2003	24,0	13,0	24,0	20,0	81,0	
367	TA2603367	21810680478	Phạm Văn	Đồng	18/12/2003	24,0	0,0	8,5	21,0	53,5	
368	TA2603368	21810230479	Đào Quang	Đức	01/09/2003	24,0	0,0	7,5	24,0	55,5	
369	TA2603369	20810610016	Đỗ Văn	Đức	27/10/2002	20,0	0,0	9,5	6,0	35,5	
370	TA2603370	21810110393	Hoàng Văn	Đức	12/06/2003	17,0	0,0	9,5	11,0	37,5	
371	TA2603371	21810720013	Ngô Minh	Đức	21/05/2003	23,0	11,0	11,0	11,0	56,0	
372	TA2603372	21810310660	Trần Trọng	Đức	09/10/2003	24,0	15,0	20,5	18,0	77,5	
373	TA2603373	21810310122	Lương Trường	Giang	05/10/2003	8,0	12,0	17,0	14,0	51,0	
374	TA2603374	21810230423	Ngô Thị Ngọc	Hà	26/01/2003	21,0	13,0	24,0	19,0	77,0	
375	TA2603375	21810410085	Nguyễn Sỹ	Hà	22/08/2003	23,0	14,0	23,0	15,0	75,0	
376	TA2603376	21810610026	Dương Thành	Hải	20/10/2002	19,0	12,0	19,5	19,0	69,5	
377	TA2603377	21810430603	Nguyễn Đức	Hải	02/04/2003	21,0	11,0	23,0	22,0	77,0	
378	TA2603378	21810310606	Trần Xuân	Hải	24/08/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
379	TA2603379	24810630058	Hoàng Văn	Hậu	07/05/2006	19,0	0,0	0,0	0,0	19,0	VPQC kỹ năng viết
380	TA2603380	21810310153	Đình Hải	Hiếu	04/11/2003	21,0	10,0	29,0	22,0	82,0	
381	TA2603381	21810310044	Nghiêm Thọ	Hiếu	27/12/2003	22,0	14,0	29,0	14,0	79,0	
382	TA2603382	20810160464	Nguyễn Minh	Hiếu	05/09/2002	21,0	13,0	24,0	22,0	80,0	
383	TA2603383	21810540526	Nguyễn Văn	Hiếu	18/11/2003	20,0	14,0	17,0	18,0	69,0	
384	TA2603384	21810310602	Nguyễn Văn	Hiếu	24/05/2003	23,0	12,0	25,0	22,0	82,0	
385	TA2603385	20810110222	Trần Trọng	Hiếu	16/09/2002	22,0	7,0	16,5	20,0	65,5	
386	TA2603386	21810230467	Đào Thị Kiều	Hoa	05/01/2003	22,0	16,0	15,5	24,0	77,5	
387	TA2603387	21810110486	Vũ Ngọc	Hoà	24/11/2003	21,0	12,0	11,0	18,0	62,0	
388	TA2603388	21810310151	Bùi Huy	Hoàng	16/06/2003	22,0	11,0	9,5	20,0	62,5	
389	TA2603389	21810410483	Nguyễn Đức	Hoàng	14/05/2003	23,0	0,0	7,5	18,0	48,5	
390	TA2603390	21810430638	Nguyễn Hữu	Hoàng	20/06/2003	19,0	17,0	17,0	19,0	72,0	
391	TA2603391	21810310160	Vương Nguyên	Huân	22/12/2003	20,0	15,0	15,5	16,0	66,5	
392	TA2603392	21810430699	Nguyễn Phi	Hùng	27/10/2003	21,0	10,0	11,0	16,0	58,0	
393	TA2603393	21810180334	Vũ Văn	Hùng	06/11/2003	21,0	0,0	17,0	11,0	49,0	
394	TA2603394	21810410420	Đào Quang	Huy	04/11/2003	24,0	0,0	0,0	17,0	41,0	
395	TA2603395	21810610006	Nguyễn Gia	Huy	12/03/2003	20,0	15,0	12,0	17,0	64,0	
396	TA2603396	21810680375	Nguyễn Quang	Huy	28/02/2003	22,0	0,0	8,5	20,0	50,5	
397	TA2603397	21810310545	Phùng Ngọc	Huy	23/11/2002	23,0	13,0	16,5	21,0	73,5	
398	TA2603398	21810430703	Vũ	Huy	30/07/2003	21,0	12,0	16,5	19,0	68,5	
399	TA2603399	21810310359	Lưu Đình	Hung	22/12/2003	24,0	19,0	10,5	21,0	74,5	
400	TA2603400	21810310346	Nguyễn Văn	Hung	10/04/2003	20,0	0,0	11,0	17,0	48,0	
401	TA2603401	24810830096	Trịnh Tuấn	Hung	17/08/2006	23,0	13,0	12,0	14,0	62,0	
402	TA2603402	21810630026	Nguyễn Quang	Hữu	07/03/2003	21,0	12,0	13,5	18,0	64,5	
403	TA2603403	19810110386	Nguyễn Văn	Kiên	15/10/2001	21,0	18,0	11,0	21,0	71,0	
404	TA2603404	Thí sinh tự do	Trương Ngọc	Kiên	06/07/1986	8,0	14,0	17,0	12,0	51,0	
405	TA2603405	21810410018	Nguyễn Văn	Khang	17/05/2003	21,0	10,0	10,5	19,0	60,5	
406	TA2603406	21810670321	Nguyễn Văn	Khanh	02/12/2003	20,0	10,0	16,5	19,0	65,5	
407	TA2603407	21810430385	Nguyễn Khắc	Khánh	10/03/2003	21,0	13,0	21,5	17,0	72,5	
408	TA2603408	21810610033	Trần Trọng	Khánh	12/08/2003	22,0	12,0	21,5	11,0	66,5	
409	TA2603409	18819120019	Đình	Khôi	18/12/2000	17,0	13,0	20,5	16,0	66,5	
410	TA2603410	21810820305	Nguyễn Thị	Lan	17/03/2003	23,0	14,0	14,5	18,0	69,5	
411	TA2603411	24810320266	Nguyễn Tùng	Lâm	20/09/2006	7,0	16,0	19,0	16,0	58,0	
412	TA2603412	21810110518	Nguyễn Xuân	Lâm	30/07/2003	21,0	0,0	0,0	5,0	26,0	
413	TA2603413	21810110029	Nguyễn Đình	Lịch	07/01/2003	21,0	14,0	13,5	16,0	64,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
414	TA2603414	21819140271	Nguyễn Khánh	Linh	01/12/2003	21,0	17,0	24,0	15,0	77,0	
415	TA2603415	21810310338	Trịnh Phương	Linh	23/11/2003	15,0	14,0	28,5	21,0	78,5	
416	TA2603416	21810680501	Đào Trung	Long	10/02/2003	20,0	12,0	26,5	19,0	77,5	
417	TA2603417	24810320154	Nguyễn Hải	Long	18/04/2006	23,0	17,0	25,0	20,0	85,0	
418	TA2603418	21810510542	Nguyễn Phạm Nhật	Long	20/08/2003	23,0	17,0	28,5	22,0	90,5	
419	TA2603419	21810310092	Phạm Đăng Bảo	Long	03/07/2003	21,0	19,0	25,5	19,0	84,5	
420	TA2603420	21810410076	Nguyễn Đình	Lục	30/10/2003	22,0	14,0	21,5	20,0	77,5	
421	TA2603421	21810230370	Phạm Thị Cẩm	Ly	04/09/2003	23,0	14,0	23,0	22,0	82,0	
422	TA2603422	21810310498	Đỗ Đình	Mạnh	10/04/2003	15,0	16,0	13,5	21,0	65,5	
423	TA2603423	21810310182	Lê Duy	Minh	17/07/2003	16,0	12,0	25,0	18,0	71,0	
424	TA2603424	21810310649	Nguyễn Đình Quang	Minh	03/04/2002	23,0	15,0	25,5	20,0	83,5	
425	TA2603425	20810510068	Nguyễn Vũ	Minh	31/08/2002	15,0	11,0	26,5	21,0	73,5	
426	TA2603426	21810110325	Trần Công	Minh	07/07/2003	24,0	0,0	0,0	5,0	29,0	
427	TA2603427	20810340178	Trần Quang	Minh	01/07/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
428	TA2603428	21810310008	Hoàng Hải	Nam	29/12/2003	18,0	20,0	20,5	20,0	78,5	
429	TA2603429	21810610042	Lê Hải	Nam	08/07/2003	19,0	16,0	24,0	22,0	81,0	
430	TA2603430	23810110012	Nguyễn Thế Hải	Nam	05/11/2005	12,0	0,0	0,0	2,0	14,0	
431	TA2603431	21810340628	Vũ Hải	Nam	18/10/2003	8,0	12,0	22,5	24,0	66,5	
432	TA2603432	21810230068	Trần Thị Hằng	Nga	11/09/2003	12,0	16,0	15,5	20,0	63,5	
433	TA2603433	21810410510	Nguyễn Việt	Nghĩa	11/11/2003	16,0	0,0	13,5	4,0	33,5	
434	TA2603434	21810310010	Phan	Nguyên	28/12/2003	18,0	20,0	24,0	18,0	80,0	
435	TA2603435	21810410662	Trương Văn	Nhâm	05/05/2002	15,0	9,0	22,5	18,0	64,5	
436	TA2603436	Thí sinh tự do	Đặng Yên	Nhi	01/10/2002	18,0	18,0	14,5	21,0	71,5	
437	TA2603437	21810610432	Lê Văn	Pháp	02/02/2002	19,0	13,0	21,5	18,0	71,5	
438	TA2603438	20810320105	Phan Văn	Phong	28/10/2002	9,0	0,0	9,5	12,0	30,5	
439	TA2603439	21810540482	Nghiêm Hoàng	Phúc	22/08/2003	16,0	16,0	24,0	22,0	78,0	
440	TA2603440	19810170235	Vũ Ngọc	Phúc	05/07/2001	7,0	13,0	25,0	8,0	53,0	
441	TA2603441	21810310048	Ngô Hùng	Phương	04/10/2003	7,0	16,0	20,5	18,0	61,5	
442	TA2603442	21810510028	Nguyễn Duy	Quang	24/05/2003	3,0	0,0	0,0	6,0	9,0	
443	TA2603443	21810180302	Nguyễn Việt	Quang	28/05/2003	15,0	10,0	16,5	13,0	54,5	
444	TA2603444	21810510013	Vũ Minh	Quang	10/07/2003	19,0	14,0	20,5	20,0	73,5	
445	TA2603445	21810410039	Hoàng Minh	Quân	16/11/2003	5,0	14,0	27,5	12,0	58,5	
446	TA2603446	21810620388	Nguyễn Phạm Nhật	Quân	15/04/2003	16,0	15,0	13,5	14,0	58,5	
447	TA2603447	21810310665	Nguyễn Hữu Tĩnh	Quốc	25/12/2003	11,0	15,0	19,0	15,0	60,0	
448	TA2603448	21810630352	Đình Văn	Quyền	17/03/2003	7,0	14,0	16,5	12,0	49,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
449	TA2603449	21810310445	Nguyễn Quang	Quyền	14/11/2003	7,0	14,0	29,0	17,0	67,0	
450	TA2603450	21810410667	Bùi Đình	Sáng	20/10/2003	9,0	16,0	20,5	14,0	59,5	
451	TA2603451	21810310587	Trần Văn	Sinh	24/05/2003	11,0	0,0	13,0	9,0	33,0	
452	TA2603452	21810410061	Đặng Ngọc	Son	15/03/2003	12,0	0,0	19,0	6,0	37,0	
453	TA2603453	20810430170	Nguyễn Thái	Son	26/05/2002	10,0	11,0	23,0	5,0	49,0	
454	TA2603454	21810230387	Trần Lý Tùng	Son	11/08/2003	16,0	18,0	22,5	19,0	75,5	
455	TA2603455	21810620524	Nguyễn Đức	Tài	09/11/2003	11,0	14,0	26,5	15,0	66,5	
456	TA2603456	21810620500	Nguyễn Công	Tạ	24/09/2003	7,0	0,0	11,0	15,0	33,0	
457	TA2603457	19810310361	Đoàn Trọng	Tiến	26/10/2001	14,0	17,0	14,5	18,0	63,5	
458	TA2603458	21810440589	Nguyễn Duy	Tính	07/04/2003	5,0	16,0	16,5	11,0	48,5	
459	TA2603459	19810430246	Đặng Khánh	Toàn	06/05/2001	13,0	15,0	17,0	18,0	63,0	
460	TA2603460	20810340238	Hoàng Anh	Tú	29/05/2002	7,0	16,0	13,0	14,0	50,0	
461	TA2603461	21810660380	Nguyễn Mạnh	Tuân	05/06/2003	19,0	15,0	15,5	18,0	67,5	
462	TA2603462	24810110258	Đặng Thanh	Tùng	08/10/2006	18,0	0,0	10,5	15,0	43,5	
463	TA2603463	21810410158	Nguyễn Huy	Tùng	24/11/2003	22,0	0,0	9,5	11,0	42,5	
464	TA2603464	21810310609	Nguyễn Văn	Tùng	12/03/2003	22,0	13,0	18,0	15,0	68,0	
465	TA2603465	21810610076	Đặng Minh	Tuyên	03/10/2003	23,0	16,0	15,5	23,0	77,5	
466	TA2603466	21810230367	Nguyễn Công Vĩ	Tường	09/06/2003	24,0	14,0	14,5	21,0	73,5	
467	TA2603467	21810610489	Đỗ Duy	Thái	12/12/2003	23,0	13,0	8,5	19,0	63,5	
468	TA2603468	21810430681	Hoàng Ngọc	Thanh	19/03/2003	23,0	10,0	29,0	17,0	79,0	
469	TA2603469	21810680431	Chu Lê Xuân	Thành	19/01/2003	23,0	13,0	25,5	17,0	78,5	
470	TA2603470	24810630082	Nguyễn Tiên	Thành	31/10/2006	23,0	14,0	26,5	18,0	81,5	
471	TA2603471	21810250353	Phạm Minh	Thành	31/10/2003	24,0	11,0	21,5	20,0	76,5	
472	TA2603472	23810630005	Lương Thanh	Thảo	13/09/2005	21,0	13,0	29,0	22,0	85,0	
473	TA2603473	21810810185	Trần Thị Phương	Thảo	06/04/2003	22,0	13,0	12,0	19,0	66,0	
474	TA2603474	20810310329	Lưu Đức	Thắng	11/11/2002	16,0	15,0	19,5	15,0	65,5	
475	TA2603475	18810310258	Vũ Nho	Thắng	06/09/2000	21,0	14,0	29,0	22,0	86,0	
476	TA2603476	24810170118	Lê Quốc	Thịnh	08/02/2006	21,0	14,0	23,0	23,0	81,0	
477	TA2603477	24810320263	Trần Xuân	Thịnh	22/07/2006	22,0	12,0	15,5	16,0	65,5	
478	TA2603478	Thí sinh tự do	Lê Văn	Thời	13/09/1987	24,0	12,0	23,0	18,0	77,0	
479	TA2603479	21810230460	Nguyễn Thị Mai	Thương	03/11/2003	23,0	15,0	27,5	20,0	85,5	
480	TA2603480	21810710195	Tổng Thanh	Trà	13/08/2002	24,0	13,0	14,5	21,0	72,5	
481	TA2603481	21810230444	Nguyễn Thị Kiều	Trang	22/11/2003	22,0	14,0	17,0	20,0	73,0	
482	TA2603482	21810230417	Phan Ngọc	Trinh	13/09/2002	24,0	14,0	28,5	17,0	83,5	
483	TA2603483	21810310167	Hồ Đức	Trung	10/03/2003	23,0	19,0	24,0	20,0	86,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
484	TA2603484	21810440547	Nguyễn Tiến	Trung	09/11/2002	22,0	10,0	28,5	18,0	78,5	
485	TA2603485	20810510075	Vũ Thành	Trung	28/12/2002	21,0	10,0	21,5	19,0	71,5	
486	TA2603486	21810110027	Nguyễn Đức	Trường	08/04/2003	21,0	14,0	27,5	19,0	81,5	
487	TA2603487	21810110033	Đình Quang	Trường	17/10/2003	21,0	12,0	19,5	17,0	69,5	
488	TA2603488	21810230456	Nguyễn Đình	Việt	07/01/2003	18,0	9,0	26,5	22,0	75,5	
489	TA2603489	21810310069	Phạm Quang	Vinh	28/09/2003	12,0	16,0	27,5	20,0	75,5	
490	TA2603490	21810110039	Nguyễn Tuấn	Vũ	30/12/2003	20,0	18,0	20,5	22,0	80,5	
491	TA2603491	21810310547	Trần Hữu	Vượng	08/10/2003	17,0	15,0	21,5	20,0	73,5	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 491 thí sinh

Điều kiện để được công nhận Năng lực Tiếng Anh tương đương B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu:

1, Tổng điểm đạt: 65/100,

2, Kỹ năng nghe tối thiểu 8/25, Kỹ năng nói tối thiểu 7/20, Kỹ năng đọc tối thiểu 10/30, Kỹ năng viết tối thiểu 8/25.